

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
89	NGUYEN THI HANG	164219099	100005157422	6,408,435				6,408,435
90	VU THI HUONG	164204999	105005157481	6,408,435				6,408,435
91	NGUYEN THI HONG NHUNG	164219557	108005029907	6,408,435				6,408,435
92	LE THI LIEU	164127932	105005157373	6,408,435				6,408,435
93	DANG THI THU HA	164139129	102005157172	7,178,217				7,178,217
94	HOANG VIET HUNG	164175441	104005157361	6,408,435				6,408,435
95	TRUONG NGOC DUONG	164208604	108004073057	6,408,435				6,408,435
96	BUI THI HONG GIANG	164141136	104005157213	6,408,435				6,408,435
97	PHAM XUAN NGUYEN	164160304	100003902691	6,408,435				6,408,435
98	BUI THI TUYET	164213389	101005157230	6,408,435				6,408,435
99	PHAM THI HUONG	164189141	109005157448	6,408,435				6,408,435
100	TRAN THU THUY	164184817	101005157473	4,142,687				4,142,687
101	DINH THI HONG LOAN	164201117	102005157196	7,089,038				7,089,038
102	PHAM THANH TAM	164184946	101005157446	6,408,435				6,408,435
103	LE THI NGOC THUY	162363113	104005157374	8,145,966				8,145,966
104	LE THI THU THUY	164153528	101005157377	6,408,435				6,408,435
105	DUONG TRONG LUYEN	164224646	103005157323	7,370,663				7,370,663
106	LE THI UYEN	141904518	109005157379	6,408,435				6,408,435
107	NGUYEN THI THU HOAI	164027595	108005157436	4,640,307				4,640,307

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cử chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tiền thực lĩnh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
108	NGUYEN THI HOANG HUE	164148821	102004480152	7,089,038				7,089,038
109	BUI THI NGUYEN	162431159	101001971839	7,134,570				7,134,570
110	LE NGUYET HAI NINH	164172412	107005157368	7,762,779				7,762,779
111	LE THI HONG HANH	164105352	106004220533	6,997,973				6,997,973
112	DO THI GIANG	161562927	105005157181	3,806,793				3,806,793
113	LE THI LAN ANH	164223377	106005157372	6,598,443				6,598,443
114	DINH THI THUY	164266522	103005157201	6,367,008				6,367,008
115	DINH BA HOE	164127501	105005157193	6,367,008				6,367,008
116	LUONG THI THU GIANG	164160800	103004087815	6,367,008				6,367,008
117	PHAM VAN CUONG	164157197	101005157460	6,367,008				6,367,008
118	PHAN THI HANG NGA	164162177	107005157464	6,367,008				6,367,008
119	PHAM THU THUY	164213449	106004505643	4,142,687				4,142,687
120	PHAM THI OANH	164148763	105005157454	6,367,008				6,367,008
121	DAO THI THU PHUONG	164235151	103005157171	6,367,008				6,367,008
122	VU TUE MINH	164227912	100005157486	6,598,443				6,598,443
123	VO THI LAN PHUONG	182494237	109005157475	6,367,008				6,367,008
124	LE THI HANG	164095677	106005157369	4,640,307				4,640,307
125	NGUYEN THI THUY HUYEN	164267102	106005157438	6,367,008				6,367,008
126	TRAN THI NAM	164112609	104005157470	3,806,793				3,806,793

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
127	PHAM THI MINH THU	164027526	107005157452	3,557,983				3,557,983
128	NGUYEN THANH HOA	172409465	101005157419	6,861,376				6,861,376
129	DINH THI LIEN	164239607	102004078470	4,640,307				4,640,307
130	NGUYEN THI NHAN	164308360	101004307628	5,698,722				5,698,722
131	DINH THI THUY LINH	164305081	104005157200	0				-
132	NGUYEN THI LAN PHUONG	164267056	103005157417	6,325,581				6,325,581
133	NGUYEN THI ANH DUONG	164285357	104005157416	6,325,581				6,325,581
134	HA THI MINH NGÀ	164218013	101005157503	6,325,581				6,325,581
135	BUI THI PHUONG	164201134	108005157219	5,698,722				5,698,722
136	PHUNG THI THAO	164231811	105004190273	6,325,581				6,325,581
137	DINH THI DUONG QUYNH	164239633	107003910022	3,732,150				3,732,150
138	TRAN THI HA TAM	164176907	109004163649	4,142,687				4,142,687
139	VU THI QUYEN	164318214	102005157484	4,142,687				4,142,687
140	HOANG THI KIM THAO	164286112	100003953064	4,142,687				4,142,687
141	PHAM THI YEN	164266354	101004847442	4,142,687				4,142,687
142	VU PHUONG THAO	164176598	108005157476	6,325,581				6,325,581
143	DUONG THI DUNG	164285161	101004186075	5,661,401				5,661,401
144	BUI HUONG GIANG	63192971	106005157211	5,400,150				5,400,150
145	DO QUANG DAT	164194178	103004951554	3,931,198				3,931,198

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tiền thực lĩnh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
146	DINH VAN VIEN	164054828	106005296448	9,535,956				9,535,956
147	VU THI TUYET MAI	164207662	109004290793	0				-
148	TRUONG TIEN PHUNG	164185575	103004650203	6,284,155				6,284,155
149	BUI THI KIM PHUNG	164121947	104005361351	6,201,301				6,201,301
150	PHAM VAN THIEN	164047802	100005396765	5,994,167				5,994,167
151	BUI THI HONG	164087513	101005396764	7,678,575				7,678,575
152	DAO THI ANH TUYET	164164632	109005396766	4,155,127				4,155,127
153	DANG THI HANG	164163256	109005465958	5,050,843				5,050,843
154	NGUYEN VAN HIEU	164171024	108005464826	6,325,581				6,325,581
155	NGUYEN THI HUE	164354123	104004918315	5,661,401				5,661,401
156	VU THI PHUONG	164360815	108005392378	5,661,401				5,661,401
157	PHAM THI THU THUY	164315521	109004628062	5,661,401				5,661,401
158	NGO THI HANG	164261421	109005421407	5,661,401				5,661,401
159	DINH BICH HAO	164321125	108005466209	5,661,401				5,661,401
160	VU THI NGOC ANH	164266893	101004266571	5,661,401				5,661,401
161	NGUYEN THI HONG LY	164291403	107005421412	5,661,401				5,661,401
162	BUI THI THU HIEN	164282753	104004070424	5,869,901				5,869,901
163	NGUYEN THI MY	164179570	103005464124	6,284,155				6,284,155
164	TRAN THI HIEN	164290398	101005464918	5,661,401				5,661,401

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tiền thực lĩnh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
165	TRAN THI THU	164179591	105005464941	5,661,401				5,661,401
166	NGUYEN THI HIEN	164267537	105004041695	5,661,401				5,661,401
167	NGO THI HUE	162738986	101005464969	5,661,401				5,661,401
168	LE THI HIEU	164374805	107005464976	5,661,401				5,661,401
169	PHAN THI THU NHAI	164206036	109005465249	5,661,401				5,661,401
170	DINH THANH CONG	164228654	104005464832	6,416,254				6,416,254
171	NGUYEN THUY DUONG	164176653	102005465258	6,449,862				6,449,862
172	LUONG THI TU	164315292	101005463115	5,661,401				5,661,401
173	NGUYEN THI THANH NHAN	164360897	101004303307	3,732,150				3,732,150
174	LE THI THU HUONG	164122148	104005695435	6,946,202				6,946,202
175	DANG THI THU HIEN	164213460	100005705568	6,408,435				6,408,435
176	NGUYEN THI THU	164134302	107006179888	7,134,570				7,134,570
177	HOANG THI HUONG	164137451	104006020745	6,952,441				6,952,441
178	DINH THI THU HUYEN	164121966	106005708569	7,089,038				7,089,038
179	LA DANG HIEP	164143000	105005920855	6,408,435				6,408,435
180	PHAM THI NGA	164248592	106004131374	5,661,401				5,661,401
181	NGUYEN HAI BIEN	164204710	104003848206	6,284,155				6,284,155
182	AN THI NGOC LY	164278190	106004650237	6,242,728				6,242,728
183	TONG THI KIM ANH	164280440	104004324801	6,416,254				6,416,254

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 09 sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân.	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Tiền phụ cấp kiêm nhiệm hội cựu chiến binh Quý III/2019	Tiền phụ cấp cấp ủy Quý III/2019	So tien thuc linh
A	B	C	D	1	2	3	4	5=1+2+3+4
184	NGUYEN THI HAO	164235239	100005404981	6,598,443				6,598,443
185	LUONG THI HOANG NGAN	164076810	107003834829	4,553,223				4,553,223
186	DINH TIEN THANH	164282505	101005988300	3,732,150				3,732,150
187	DANG HA QUYEN	164204743	104005332025	6,242,728				6,242,728
188	PHAM THU QUYNH	172646028	101004289002	5,624,079				5,624,079
189	NGUYEN THI LE THU	164278725	102004066096	4,972,214				4,972,214
190	NGUYEN THI MIEN	100817747	107003874831	6,201,301				6,201,301
191	PHAM THI TRUC	273546201	102006628777	7,180,102				7,180,102
192	LE THU HIEN	164440128	105005396991	3,744,591				3,744,591
193	PHAM THI KHANH QUYNH	168268367	104005590009	5,586,758				5,586,758
194	NGUYEN THI BICH DUNG	164444084	100006849709	0				-
195	DANG THANH DIEM	164408070	104001625197	5,400,150				5,400,150
196	VU THI HA	113318918	102005748032	3,732,150				3,732,150
197	NGUYEN THI THANH NGA	164201371	109870353997	3,732,150				3,732,150
198	DO THI BICH THUY	164306491	106007099219	4,806,134				4,806,134
199	NGUYEN THI HUONG LAN	164278321	107004287879	4,806,134				4,806,134
200	VU THI MINH HUYEN	173416817	108005440771	4,806,134				4,806,134
201	NGUYEN HONG THUY	164360765	109004917308	4,806,134				4,806,134
202	NGUYEN THI THU DUNG	164651231	104867209742	5,608,650				5,608,650